TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS - PT
Ngày 21 - 3 - 2024
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai
*Các Thẩm phán:*Ông Vũ văn Mạnh
Ông Nguyễn Vĩnh Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc " Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS - ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2003 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T, năm sinh: 1952; Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Dương H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Vũ Khắc N, năm sinh: 1952 và Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Cụ Trần Thị G (mẹ ông N); (vắng mặt)
- Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1962; (có mặt)
- Ông Vũ Đức C, sinh năm 1966; (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951; (vắng mặt)
- Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Bà Vũ Thị N2, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953; (vắng mặt)
- Anh Vũ Văn T4, sinh năm 1977; (vắng mặt)
- Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1980; (vắng mặt)
- Chị Trần Thị N3, sinh năm 1982, (vắng mặt)
- Chị Kiều Thị D sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

4. Người kháng cáo: Ông Vũ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Dương H trình bày:

Gia đình ông Vũ Văn T có thửa đất số 102, tờ bản đồ số 05, diện tích 433m^2 ở địa chỉ tại thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1993 ông T đã được UBND huyện V (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C557077 ngày 10/10/1993 đứng tên ông Vũ Văn T. Thửa đất có các chiều tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất bà G1, phía Đông giáp đất của gia đình ông Vũ Khắc N, phía Nam giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đất ông Đ và cụ O, cụ C2.

Về ranh giới đất tiếp giáp về hướng Đông với gia đình ông Vũ Văn N4 có 03 thửa đất bao gồm: Thửa đất số 103 tờ bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Vũ Văn N5 - Bố ruột ông N4 (đã chết năm 2003); thửa đất số 115 bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Vũ Khắc N và thửa đất số 116 bản đồ số 5 diện tích 196 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Vũ Thế N6 - con trai ông N. Hiện nay ông Vũ Khắc N đang quản lý, sử dụng cả ba thửa đất nói trên. Trước đây ranh giới đất giữa hai gia đình là những rặng cây, năm 1972 ông Hồ Ngọc S đã đổi đất cho cụ Vũ Văn Y (là bố của ông Vũ Văn T, hiện nay cụ Y và ông S đều đã chết), theo thỏa thuận đổi đất thì bố mẹ ông Tạ đ cho ông S để lấy thửa đất phía bên ngoài lối cổng đi và giáp với đất của gia đình Vũ Văn N5 (bố của ông N), khi các bên đổi đất cho nhau thì đều có mốc giới rõ ràng.

Khoảng năm 1975 gia đình cụ Vũ Văn N5 là bố của ông N có đào 01 giếng nước lấn sang đất của gia đình ông Tạ k 70 cm, khi đó cụ Y đã có ý kiến rất nhiều lần nhưng hai gia đình không thống nhất được về ranh giới đất. Do tình cảm anh em hàng xóm nên gia đình ông T chỉ nhắc nhở ông N. Đến năm 2005, khi gia đình ông Vũ Văn N4 đã cho lấp giếng và tiến hành xây nhà tắm, gia đình ông N4 lại

tiếp tục lấn sang một phần diện tích đất của gia đình ông T, dẫn đến giữa hai bên gia đình phát sinh tranh chấp từ năm 2005 cho đến nay.

Năm 2020 gia đình ông N4 đã xây nhà tầng trên đất mặc dù đã có văn bản tạm dừng thi công xây dựng công trình của UBND xã V nhưng gia đình ông N4 vẫn cố tình xây nhà và hoàn thiện các công trình trên đất. Gia đình ông T đã nhiều lần qua gặp gia đình ông N4 để cùng thương lượng giải quyết vấn đề tranh chấp cũng như đã nhờ Ủy ban nhân dân xã V đứng ra tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai hộ gia đình nhiều lần nhưng đều không có kết quả do gia đình ông N4 không chịu hợp tác.

Nhận thấy, cả 3 thửa đất của gia đình ông Vũ Khắc N đều lấn chiếm sang phần đất gia đình nhà ông T là trái pháp luật xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, ông Vũ Văn T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết yêu cầu cụ thể: Buộc ông Vũ Khắc N và con trai là anh Vũ Thế N6 phải tháo dỡ toàn bộ các công trình đã lấn chiếm, xây dựng trái phép và trả lại cho gia đình ông T khoảng 20m^2 đất mà ông N và anh N6 đã lấn chiếm để xây dựng thêm vào 03 thửa đất là thửa đất 103, 115, 116 tờ bản đồ số 05 của gia đình nhà ông N và anh N6.

Qua sơ sồ kiểm tra thực địa ngày 11/10/2023 xác định gia đình ông T hiện nay chỉ còn diện tích là 397 m^2, về ranh giới đất thì gia đình ông N đã lấn sang đất của gia đình ông T là 19,7 m^2 có chỉ giới là 2,3,4,5,6,7, 8, 9, 28, C, B, A, 20, 2 (Theo sơ đồ đo vẽ ngày 11/10/2023). Nay ông Vũ Văn T yêu cầu gia đình ông N và anh N6 phải tháo dỡ tài sản trên phần diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho gia đình ông Tạ t diện tích là là 19,7 m^2.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 trình bày:

Gia đình ông Vũ Khắc N có 03 thửa đất thổ cư bao gồm: Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Vũ Văn N5 - Bố ruột ông N; thửa đất số 115 bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Vũ Khắc N và thửa đất số 116 bản đồ số 5 diện tích 196 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Vũ Thế N6 là con trai của ông N, địa chỉ 03 thửa đất đều ở tại: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nguồn gốc của ba thửa đất nói trên là do bố mẹ ông N là cụ Vũ Văn N5 (chết năm 2003) và cụ Trần Thị G (Sinh năm 1926) sử dụng từ lâu đời. Năm 1993, cụ Vũ Văn N5 đã đi kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất trên, ngày 10/10/1993, UBND huyện V (nay là UBND huyện V) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C557076 đối với thửa đất số 103 mang tên ông Vũ Văn N5; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C557194 đối với thửa đất số 115 mang tên ông Vũ Văn N4 (tức Vũ Khắc N) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 116 mang tên ông Vũ Thế N6. Hiện

nay về hiện trạng cả ba thửa đất đều không có ranh giới rõ ràng mà vẫn liền thửa do vợ chồng ông N và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951 đang quản lý sử dụng.

Cụ Vũ Văn N5 đã chết năm 2003, có vợ là cụ Trần Thị G đang ở cùng vợ chồng ông N, cụ N5 và cụ G có 5 người con là Vũ Khắc N, Vũ Thị N2, Vũ Văn T2; Vũ Đức C và Vũ Thị T3.

Nay ông Vũ Văn T khởi kiện ông N và anh Vũ Thế N6 yêu cầu: phải tháo dỡ các công trình trả lại cho gia đình ông N phần diện tích đất đang tranh chấp là 19,7 m^2 có chỉ giới theo sơ đồ đo vẽ ngày 11/10/2023. Quan điểm của ông N và anh N6 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T do diện tích đất gia đình ông N sử dụng đúng với mốc giới, không dịch chuyển từ trước tới nay. Điều này được thể hiện bằng việc móng nhà bếp và móng nhà tắm cũ của gia đình ông N vẫn còn nên việc ông Vũ Văn T kiện đòi lại diện tích đất do gia đình ông N lấn chiếm là không có căn cứ. Vì vậy, ông N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị C1, anh Vũ Văn T4, anh Vũ Văn H1, chị Kiều Thị D, chị Trần Thị N3 đều trình bày: Mẹ con bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của của ông Vũ Văn T và anh H là người đại diện theo ủy quyền của ông T đã trình bày, mẹ con bà không có ý kiến bổ sung nào khác. Bà C1, anh H1, anh T4, chị N3, chị D đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Vũ Văn T2, ông Vũ Đức C; bà Nguyễn Thị V; bà Vũ Thị T3 và bà Vũ Thị N2 đồng ý với ý kiến của Vũ Khắc N và ý kiến của anh T4 là người đại diện theo ủy quyền của ông N và anh N6, không có ý kiến bổ sung gì.

Cụ Trần Thị G là mẹ của ông N do tuổi già, sức khỏe yếu nên Tòa án không lấy được lời khai của cụ G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS - ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: **Không c**hấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Khắc N, anh Vũ Thế N6 phải tháo dỡ toàn bộ các công trình trả lại cho gia đình ông T 19,7 m^2 đất lấn chiếm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong ngày 26 tháng 10 năm 2023 ông Vũ Văn T kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn

T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS - ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn T làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T thấy rằng: Đất của gia đình ông Vũ Văn T và ông Vũ Khắc N đều có nguồn gốc do cha ông để lại. Gia đình ông T được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 102, tờ bản đồ số 05, diện tích 433 m^2 mang tên ông Vũ Văn T; gia đình ông N được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 103 tờ bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 mang tên cụ Vũ Văn N5 - Bố ruột ông N, thửa đất số 115 bản đồ số 5 diện tích 200 m^2 mang tên ông Vũ Khắc N và thửa đất số 116 bản đồ số 5 diện tích 196 m^2 đứng tên anh Vũ Thế N6 là con trai của ông N.

Về ranh giới đất thổ cư của hai gia đình các đương sự đều thừa nhận trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai bên gia đình đã tồn tại mốc giới đất là rặng cây. Khoảng năm 1975 gia đình cụ N5 (bố ông N) đã đào giếng khơi và xây nhà tắm trên phần ranh giới đất của hai gia đình. Năm 2005 gia đình ông N đã lấp giếng khơi và xây nhà tắm trên phần đất đó, năm 2020 gia đình ông N xây nhà ở, hiện nay bức tường nhà tắm cũ của gia đình ông N vẫn còn, các công trình này được xây dựng trước khi các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã có thời gian tồn tại trên 30 năm.

Khi các bên có tranh chấp UBND xã V đã lập Biên bản làm việc ngày 04/6/2012 với nội dung đo lại toàn bộ diện tích đất thổ cư của gia đình ông Vũ Khắc N. Sau khi kiểm tra hiện trạng, các bên đã thống nhất số liệu về thửa đất của gia đình ông N, cụ thể như sau: Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 40m, phía Tây giáp nhà ông Tạ dài 41,2m, phía Nam giáp đường thôn dài 13,7m, phía Bắc dài 16,15m. Mốc giới đất được xác định danh giới: Phía Bắc giáp đất bà G1 chỉ giới 16,15m, phía Nam giáp đường thôn dài 13,7m, Riêng chỉ giới ở giữa (giáp đất nhà ông T) tôn trọng công trình cũ của gia đình ông N đang sử dụng (Nhà tắm). Sau đó tổ công tác đã kết luận về số liệu bản đồ và các số liệu đo thực tế như sau: Phía Bắc giáp đất bà D1 chỉ giới 16,15m, phía Nam giáp đường thôn dài 13,7m. Cả hai gia đình ông Vũ Khắc N7 và ông Vũ Văn T đã ký vào biên bản làm việc và UBND xã V đã ký đóng dấu xác nhận.

Qua kiểm tra thực tế hiện trạng thửa đất của gia đình ông Vũ Khắc N có chỉ giới như sau: Phía Bắc giáp đất ông T5 dài 16,18m, Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 39,81m, phía Nam giáp đường thôn dài 13,53m. Tổng diện tích đất thổ cư của cả ba thửa gia đình ông N đang sử dụng là 605,1m^2. Ngày 11/10/2023 Tòa án đã về tại thực địa xác minh ranh giới đất của hai gia đình, qua kiểm tra hiện trạng

xác định cách tường hậu nhà bếp mới xây của gia đình ông N về phía lối đi vào đất nhà ông T còn 0,41m là móng bếp cũ của gia đình ông N xây từ năm 1980 (theo chỉ giới 9 -6), tại điểm 6 - 5 dài 3,63 m là tường nhà tắm cũ của gia đình ông N xây từ năm 2005 trên phần tang giếng khơi của gia đình ông N làm từ năm 1975. Tại điểm 4,3,2 hướng về phía Bắc giáp đất bà G1 gia đình ông Vũ Văn T đã xây tường gạch dài 18,61m. Công trình xây dựng của gia đình ông N đã có từ trước khi hai gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được tôn trọng và xác định đó là ranh giới ngăn cách giữa hai thửa đất, gia đình ông T cho rằng hai gia đình đã sảy ra tranh chấp từ năm 1975 (khi cụ N5 đào giếng khơi và xây nhà tắm nhưng gia đình ông T không có đơn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đến năm 2020 khi gia đình ông N xây nhà thì gia đình ông T mới có đơn khởi kiện đối với gia đình ông N.

Quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng khi làm giếng khơi và xây nhà tắm cũ, bố ông N là cụ Vũ Văn N5 có sang đặt vấn đề mượn phần đất này với mẹ đẻ ông T là cụ Vũ Thị Y1 nhưng ông không có chứng cứ chứng minh.

Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản tranh chấp thấy rằng: Đối với diện tích đất gia đình ông T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 có diện tích là 433 m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích 397,1 m^2 giảm 35,9 m^2; Diện đất gia đình ông N theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 596 m^2, qua đo đạc thực tế diện tích là 624,8 m^2 tăng 28,8 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về sự chênh lệch diện tích thực tế với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T và ông N được chính quyền UBND xã V cung cấp, sở dĩ có sự chênh lệch là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản đồ 299 nên số liệu đo đạc không chính xác, hơn nữa các hộ tự kê khai nên có sự sai số nhất định.

Phần đất tranh chấp giữa 02 gia đình có diện tích 19,7 m^2 có chỉ giới là 2,3,4,5,6,7, 8, 9, 28, C, B, A, 20, 2 (Theo sơ đồ đo vẽ ngày 11/10/2023). Trên phần diện tích đất tranh chấp hiện nay có các công trình bao gồm: Tường nhà tắm cũ của gia đình ông N, chân móng tường bếp cũ và chân móng tường nhà tắm cũ của gia đình ông N đã tồn tại từ những năm 1975 - 1980, ngoài ra gia đình ông T cũng đã xây 01 tường bao loan bằng gạch đỏ chưa chát dài 18,61m.

Với các chứng cứ như trên cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Kháng cáo của ông T không có cơ sở nên không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Tạ phải chịu 5.000.000 đồng chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, đã nộp và chi phí hết.

Ngày 11/10/2023 Tòa án về tiến hành đo đạc lại toàn bộ diện tích đất theo yêu cầu của gia đình ông Vũ Khắc N (tại phiên tòa ngày 20/9/2023) nên ông Vũ Khắc N phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc thẩm định lại tài sản.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Vũ Văn T.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên toà là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS - ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu gia đình ông Vũ Khắc N, anh Vũ Thế N6 phải tháo dỡ toàn bộ các công trình trả lại cho gia đình ông T 19,7 m^2 đất lấn chiếm.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Tạ phải chịu 5.000.000 đồng chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, đã nộp và chi phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *TAND huyện Vĩnh Tường;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thuý Mai